

Số: 64L/BC – TNB

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 07 năm 2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
(6 tháng đầu năm 2016)**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Địa chỉ trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, P. Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
- Điện thoại: 07103.765.079 Fax: 07103.765.078 Email:
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng.
- Mã chứng khoán: PSW

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|---|
| 1 | Số 01/NQ-ĐHĐCĐ | 20/04/2016 | Phiên họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 |
| 2 | Số 02/NQ-ĐHĐCĐ | 11/05/2016 | NQ thông qua Điều lệ PVFCCo SW (sửa đổi) |

II. Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2016)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|----------|---|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Phạm Quý Hiễn | CT. HĐQT | 01/07/2013 | 2/2 | 100% | |
| 2 | Ông Trịnh Văn Khiêm | UV.HĐQT | 11/01/2016 | 2/2 | 100% | |
| 3 | Ông Trần Văn Thắng | UV.HĐQT | 03/04/2014 | 2/2 | 100% | |
| 4 | Ông Đoàn Quốc | UV.HĐQT | 20/01/2011 | 1/2 | 50% | Miễn |

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------|---------|---|--------------------------|-------------------|--|
| | Thịnh | | | | | nhiệm thành viên HĐQT ngày 20/04/2016 |
| 5 | Ông Hoàng Văn Nhã | UV.HĐQT | 03/04/2014 | 1/2 | 50% | |
| 6 | Ông Phạm Văn Quý | UV.HĐQT | 20/04/2016 | 1/2 | 50% | Bỏ nhiệm thành viên HĐQT ngày 20/04/2016 |
| 7 | Ông Lê Thanh Tùng | UV.HĐQT | 20/04/2016 | 1/2 | 50% | |

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động kinh doanh các tháng trong năm 2016 và hỗ trợ trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội Đồng cổ đông.

HĐQT dự các cuộc họp của Ban Giám đốc về hoạt động kinh doanh và giao ban công việc hàng quý/tháng.

Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2016 các chỉ tiêu chính đều vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Năm 2016 | Thực hiện 6 tháng đầu năm | Tỷ lệ so với KH |
|-----|-------------------|-----|------------|---------------------------|-----------------|
| 1 | Sản lượng | Tấn | 325.000,00 | 167.735,95 | 51,61% |
| 1.1 | Ure Phú Mỹ | " | 240.000,00 | 122.703,60 | 51,13% |
| 1.2 | Phân bón tự doanh | " | 85.000,00 | 45.032,35 | 52,98% |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ | 2.587,76 | 1.143,14 | 44,17% |
| 3 | LNTT | " | 34,50 | 17,06 | 49,45% |

Hội đồng quản trị quản lý Công ty đã thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị đã được quy định trong luật doanh nghiệp.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của Hội đồng quản trị được phân công cụ thể cho các thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm

tra, giám sát các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị ra Quyết định/Nghị quyết, đồng thời chỉ đạo, đôn đốc Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị theo lĩnh vực được phân công.

6 tháng đầu năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 2 cuộc họp, 9 lần lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và đã đề ra nhiều giải pháp nhằm định hướng, hỗ trợ cho Ban Giám đốc Công ty trong hoạt động kinh doanh cũng như các hoạt động quản trị khác của Công ty.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2016

| Stt | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------|------------|---|
| 1 | 01/NQ-TNB | 11/01/2016 | NQ về công tác tổ chức cán bộ |
| 2 | 01/QĐ-TNB | 11/01/2016 | QĐ V/v ông Nguyễn Đức Hiền thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty kể từ ngày 11/01/2016 |
| 3 | 02/QĐ-TNB | 11/01/2016 | QĐ tiếp nhận và bổ nhiệm ông Trịnh Văn Khiêm giữ chức Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty kể từ ngày 11/01/2016 |
| 4 | 02/NQ-TNB | 15/01/2016 | NQ chấp thuận Quỹ lương thực hiện năm 2015 của PVFCCo SW |
| 5 | 03/NQ-TNB | 17/02/2016 | NQ chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2016 của PVFCCo SW |
| 6 | 04/NQ-TNB | 15/03/2016 | NQ phiên họp lần 01 của HĐQT Công ty |
| 7 | 05/NQ-TNB | 30/03/2016 | Thông qua các Ngân hàng/ Tổ chức tín dụng có uy tín để gửi tiền của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ. |
| 8 | 03/QĐ-TNB | 31/03/2016 | QĐ ban hành quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ. |
| 9 | 04/QĐ-TNB | 29/04/2016 | QĐ V/v ông Lê Kiên Định thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 29/4/2016 |
| 10 | 05/QĐ-TNB | 29/04/2016 | QĐ tiếp nhận và bổ nhiệm ông Lê Thanh Tùng giữ chức Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 29/4/2016. |
| 11 | 07/NQ-TNB | 11/05/2016 | Nghị Quyết về việc trả cổ tức năm 2015 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ. |
| 12 | 08/NQ-TNB | 23/05/2016 | Nghị Quyết về việc phân công nhiệm vụ trong HĐQT Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí |

2240
 STY
 HÂN
 VÀ H
 AUK
 MB
 TP.C

7

| Stt | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------|------------|---|
| 13 | 09/NQ-TNB | 24/05/2016 | Nghị Quyết về việc ủy quyền thực hiện ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tổng Công ty |
| 14 | 06/QĐ-TNB | 25/05/2016 | QĐ về việc phê duyệt và ban hành Quy chế Đào tạo của Công ty |
| 15 | 07/QĐ-TNB | 25/05/2016 | QĐ về việc phê duyệt và ban hành quy chế nội bộ về chế độ công tác phí, định mức trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện đi lại và các chi phí hành chính khác của Công ty |
| 16 | 08/QĐ-TNB | 25/05/2016 | QĐ về việc phê duyệt và ban hành Quy chế Dân chủ của Công ty |
| 17 | 09/QĐ-TNB | 26/05/2016 | QĐ về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động kinh doanh phân bón của Công ty |
| 18 | 10/QĐ-TNB | 26/05/2016 | QĐ về việc ban hành Quy chế Đại lý tiêu thụ sản phẩm Phân bón của Công ty |
| 19 | 11/QĐ-TNB | 26/05/2016 | QĐ về việc ban hành Quy chế về Chế độ đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài đối với Cán bộ công nhân viên Công ty |
| 20 | 12/QĐ-TNB | 26/05/2016 | QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty |
| 21 | 13/QĐ-TNB | 26/05/2016 | QĐ về việc ban hành Quy chế Quản trị của Công ty |
| 22 | 14/QĐ-TNB | 26/05/2016 | QĐ về việc ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối Quỹ phúc lợi của Công ty |
| 23 | 15/QĐ-TNB | 27/05/2016 | QĐ về việc phê duyệt và ban hành định mức hàng tồn kho và nợ phải thu của Công ty |
| 24 | 16/QĐ-TNB | 27/05/2016 | QĐ về việc phê duyệt và ban hành Quản lý tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của Công ty |
| 25 | 10/NQ-TNB | 30/05/2016 | Nghị Quyết phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ |
| 26 | 17/QĐ-TNB | 30/05/2016 | QĐ về việc ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối Quỹ phúc lợi của Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ |
| 27 | 12/NQ-TNB | 08/07/2016 | NQ phiên họp lần 02 của HĐQT Công ty |

III. Ban kiểm soát năm (6 tháng đầu năm 2016)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|------------|--|-------------------------|-------------------|-----------------------------------|
| 1 | Bà Mai Hồng Khánh | Trưởng BKS | 01/01/2011 | 2/2 | 100% | |
| 2 | Ông Lê Đăng Tú | TV.BKS | 27/06/2013 | 1/2 | 50% | Miễn nhiệm TV.BKS ngày 20/04/2016 |
| 3 | Bà Liêu Bích Thủy | TV.BKS | 01/01/2011 | 1/2 | 50% | |
| 4 | Bà Bùi Trịnh Vân Anh | TV.BKS | 20/04/2016 | 1/2 | 50% | Bổ nhiệm TV.BKS ngày 20/04/2016 |
| 5 | Bà Phạm Thị Á Châu | TV.BKS | 20/04/2016 | 1/2 | 50% | Bổ nhiệm TV.BKS ngày 20/04/2016 |

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và công đồng.

2.1 Các số liệu BCTC của Công ty

| CHỈ TIÊU | 30/06/2016 | 1/1/2016 |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| I.TỔNG TÀI SẢN | 283,807,131,256 | 293,608,977,703 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 175,785,632,978 | 168,036,031,448 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 75,599,290,906 | 26,457,297,136 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 18,575,377,980 | 22,627,391,000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 1,041,265,722 | 328,263,346 |
| Hàng tồn kho | 12,764,763,670 | 75,991,386,593 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 40,800,000 | 168,608,180 |
| Tài sản cố định | 33,814,809,137 | 34,790,325,895 |
| Bất động sản đầu tư | 10,197,549,226 | 10,277,676,826 |
| Tài sản dài hạn khác | 831,292,746 | 250,489,430 |
| II.TỔNG NGUỒN VỐN | 328,650,782,365 | 338,927,469,854 |
| Nợ ngắn hạn | 116,225,838,262 | 123,918,011,559 |
| Vốn chủ sở hữu | 212,424,944,103 | 215,009,458,295 |

2.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| CHỈ TIÊU | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2 | |
|--|----------------------------------|--------------------------|
| | Năm 2016 | Năm 2015 |
| 1 | 6 | 7 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1,150,488,238,227 | 1,364,582,122,688 |

| | | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 11,018,043,350 | 10,992,388,217 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 1,139,470,194,877 | 1,353,589,734,471 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 1,101,441,481,290 | 1,316,388,409,915 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 38,028,713,587 | 37,201,324,556 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 3,667,879,155 | 1,346,465,984 |
| 7. Chi phí tài chính | - | - |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 13,312,206,742 | 10,224,431,172 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 11,328,321,607 | 10,359,943,783 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 17,056,064,393 | 17,963,415,585 |
| 11. Thu nhập khác | 2,727,273 | - |
| 12. Chi phí khác | 25,883 | - |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 2,701,390 | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 17,058,765,783 | 17,963,415,585 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 3,411,753,157 | 3,951,951,429 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 13,647,012,626 | 14,011,464,156 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 548 | 701 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 548 | 701 |

2.3 Một số tỷ số tài chính tại thời điểm 30/6 của năm 2015 và 2016.

| STT | Chỉ tiêu | 6 tháng đầu năm 2016 | 6 tháng đầu năm 2015 |
|-----|--|----------------------|----------------------|
| 1 | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE) | 6.4% | 6.5% |
| 2 | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ | 8.0% | 8.2% |
| 3 | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) | 4.2% | 4.0% |
| 4 | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 1.2% | 1.0% |
| 5 | Tỷ lệ lãi gộp/ Doanh thu thuần | 3.3% | 2.7% |
| 6 | Vòng quay tổng tài sản | 3.41 | 4.34 |
| 7 | Vòng quay hàng tồn kho | 24.82 | 23.39 |
| 8 | Tổng nợ / Tổng tài sản | 0.35 | 0.40 |
| 9 | Khả năng thanh toán hiện hành | 2.44 | 2.20 |
| 10 | Khả năng thanh toán nhanh | 2.33 | 1.94 |

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Ban kiểm soát rà soát số liệu phát sinh và được ghi nhận trong các kỳ BCTC của Công ty với mục tiêu chú trọng vào các vấn đề trọng yếu, kiểm soát mức độ bảo toàn và phát triển nguồn vốn:

- Giám sát tình hình triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty; Giám sát việc thực hiện các Quy chế, qui định của Công ty.
- Thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát hàng tháng.
- Tình hình chi trả cổ tức: ngày 14/6/2016 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức lần 2 của năm 2015 là 7%/mệnh giá cổ phần.

4. Đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành và Thư ký công ty đã tham gia khóa học về quản trị công ty trong năm 2014, Ngoài trừ 2 thành viên BKS mới được bầu thay thế ngày 20/04/2016 thì hiện tại Công ty đang liên hệ các đơn vị có mở lớp về quản trị công ty để cử các thành viên này tham gia khóa học. Ngoài ra, Người công bố thông tin, Chủ tịch HĐQT và Thư ký Công ty đã tham gia các hội thảo chuyên đề về cập nhật Luật, thông tư, Quan hệ nhà đầu tư và quan hệ công chúng do UBCKNN, trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức.

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán năm 2015 và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty.

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty
Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH:
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ. Không
Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*:
3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát. Không có
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:
 - 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): có

240
TY
AN
A H
J KH
BỘ
C

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành. Không

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành. Không

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (6 tháng đầu năm 2016)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết. Không có

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

UQ. CHỦ TỊCH HĐQT
ỦY VIÊN



The image shows a handwritten signature in blue ink over a red circular stamp. The stamp contains the following text: 'M.S.D.N.: 1800722461-C.T.C.P.' at the top, 'CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ' in the center, and 'Q. ANH KIỀU - TP. CẦN THƠ' at the bottom. To the right of the main stamp, there is a partial red stamp with the text 'C.P. Đ.H.' visible.

Lê Thanh Tùng